

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Kính gửi: Quý công ty

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu **“Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà”** thuộc Dự án **“Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia”** tại Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội theo hình thức chào giá cạnh tranh, sử dụng nguồn vốn tự có, vốn vay và vốn huy động.

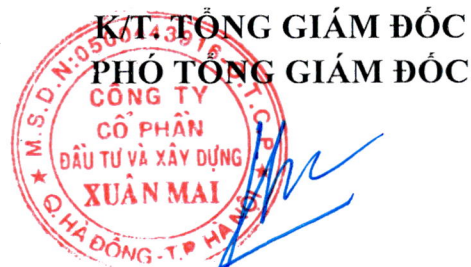
1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai kính mời các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia chào giá gói thầu nêu trên. Cụ thể:
2. Thông tin về báo giá và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu được nêu trong phần quy định chung hồ sơ chào giá cạnh tranh của gói thầu này.
3. Phạm vi công việc: **Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà**
4. Giá chào thầu: Là toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Giá chào bao gồm đã bao gồm toàn bộ các chi phí trực tiếp, gián tiếp cần thiết liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng của Bên B như: chi phí vật tư chính (trừ gạch đá, lát nền, ốp tường, đá marble), vật tư phụ, hao hụt vật tư, nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có)), máy móc, thiết bị thi công, chi phí lán trại công nhân, chi phí dọn dẹp mặt bằng công trường, toàn bộ chi phí biện pháp thi công, giàn giáo, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, chi phí vận chuyển (vận chuyển vật tư, chuyên quân, vận chuyển máy móc, thiết bị đi - về phục vụ thi công công trình), chi phí lưu bãi, lưu kho, chi phí trung chuyển (theo phương ngang và phương đứng), nhà điều hành thi công, chi phí y tế, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, chi phí di chuyển và lắp đặt các tiện ích (khí đốt, tiền nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), chi phí bố trí mặt bằng công trường, trắc đạc, các chi phí thí nghiệm vật liệu, nghiệm thu bàn giao, bảo hành, vận hành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, lợi nhuận của Nhà thầu, tất cả các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Nhà thầu có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam và các khoản phí hợp lý khác để Nhà thầu hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng.
5. Tiến độ thực hiện: 144 ngày.
 - Tiến độ dự kiến bắt đầu thi công từ 01/7/2022.
6. Hình thức hợp đồng:
 - Hình thức hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
 - Tạm ứng hợp đồng: tạm ứng 20% giá trị hợp đồng;
 - Thu hồi tạm ứng: Thu hồi qua các đợt thanh toán giai đoạn và thu hồi hết khi đạt 80% giá trị của giá trị hợp đồng;

- Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Tương ứng với giá trị tạm ứng của hợp đồng và có hiệu lực đến khi thu hồi hết giá trị tạm ứng;
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Tương đương với 10% giá trị hợp đồng, hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ nội dung công việc hợp đồng;
 - Thanh toán đến 90% giá trị hoàn thành có khấu trừ giá trị tạm ứng tương ứng.
 - Khối lượng mời thầu là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh quyết toán trên cơ sở khối lượng thực tế nhà thầu thực hiện.
7. Yêu cầu của hồ sơ chào giá: 1 bản gốc bao gồm
- Hồ sơ năng lực của nhà thầu;
 - Hồ sơ kỹ thuật;
 - Đơn chào giá: theo mẫu kèm theo (có ký tên và đóng dấu đại diện pháp nhân). Hiệu lực của đơn chào giá không nhỏ hơn 90 ngày.
 - Bảng chào giá chi tiết: theo bảng khối lượng mời thầu.
8. Tiêu chí đánh giá: đánh giá dựa trên tiêu chí về tài chính.
9. Địa chỉ tiếp nhận thông tin và hồ sơ yêu cầu về chào giá của bên mời thầu:
- Phòng Quản lý dự án - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai**
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa tháp Xuân Mai, Tô Hiệu, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội.
 - Cán bộ phụ trách: Trần Thanh Lan
 - Điện thoại di động: 0988.147.855
 - Điện thoại cố định 0243.73038866 – máy lẻ 607.
10. Thời gian nhận hồ sơ yêu cầu từ 14h00 phút ngày 22/02/2022 đến 17h00 phút ngày 28/02/2022
11. Thời gian nộp hồ sơ chào giá cạnh tranh của nhà thầu là: Trước 12h00 phút ngày 15/03/2022.
12. Tất cả những thắc mắc của Quý Công ty xin gửi đến email: lantt@xuanmaicorp.vn, muộn nhất trước thời hạn nộp thầu hai (02) ngày.
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kfnh gửi;
- Tổ đấu thầu;
- Lưu QLDA.



Hoàng Văn Phong

I. THÔNG TIN DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

1. THÔNG TIN DỰ ÁN

- Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia
- Địa điểm xây dựng: Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội.
- Chủ đầu tư: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia
- Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai.

2. THÔNG TIN GÓI THẦU

- Khối lượng mời thầu: Theo bảng tiên lượng mời thầu kèm theo thư mời này.

Ghi chú:

- Nhà thầu căn cứ hồ sơ thiết kế gửi kèm, kiểm tra lại khối lượng và đặc tính kỹ thuật.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ việc lập HSCG. Bên mời thầu tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSCG thuộc trách nhiệm của Nhà thầu;
- Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với Nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác ;
- Văn phòng, Lán trại công nhân ở ngoài phạm vi khu đất công trình;
- Nhà thầu tự bố trí văn phòng điều hành thi công và lán trại cho công nhân, kỹ thuật ở thời gian thi công tại công trình.

3. YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC, KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Sử dụng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. HSCG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về năng lực, kỹ thuật đều được đánh giá là “đạt”.

1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực:

TT	Nội dung	Yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực kinh nghiệm:	
1.1	Giấy đăng ký kinh doanh.	Còn hoạt động
1.2	Số lượng Hợp đồng và biên bản bàn giao đưa vào sử dụng hoặc thanh lý hợp đồng (bản sao công chứng) của nhà thầu đã hoặc đang thực hiện gói thầu tương tự có giá trị >30 tỷ (tính đến thời điểm T12/2021)	03 hợp đồng
1.3	Có chứng chỉ năng lực hoạt động XD công trình tối thiểu cấp 2	
2	Năng lực kỹ thuật	
2.1	Nhân sự thực hiện gói thầu	
a	Cán bộ kỹ thuật	
	Số lượng cán bộ kỹ thuật giám sát là kỹ sư đúng chuyên ngành có thâm niên công tác từ 3 năm trở lên (văn bằng chứng chỉ kèm theo trong hồ sơ năng lực) cụ thể:	

	+ Kỹ sư xây dựng	10 người
b	Công nhân kỹ thuật	
	Số lượng công nhân kỹ thuật có trình độ và khả năng phù hợp với các công việc đảm nhận, có kinh nghiệm >2 năm	30 người
c	Số lượng công nhân tham gia thi công có khả năng huy động để thực hiện công việc (có danh sách kèm theo)	> 300 người
2.2	Số lượng máy móc thiết bị mà nhà thầu huy động để thực hiện gói thầu nhằm đảm bảo tiến độ đề ra.	Có danh sách
3	Năng lực tài chính trong thời gian 02 năm gần đây:	
3.1	Nhà thầu hoạt động không bị thua lỗ trong 2 năm gần nhất 2019, 2020. Có bảng quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm gần nhất, tờ khai thuế giá trị gia tăng năm 2020 (xác nhận của cơ quan thuế đã nộp) hoặc biên bản quyết toán thuế năm gần nhất.	Lợi nhuận > 0 tỷ VNĐ
3.2	Doanh thu trong năm 2021:	≥ 50 tỷ VNĐ
	Kết luận:	
	Nhà thầu đáp ứng được tất cả các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Đạt
	Nhà thầu không đáp ứng được một trong các tiêu chí 1, 2, 3 ở trên	Không đạt

2. Yêu cầu về thời gian, tiến độ thi công, phương án tổ chức thi công thời gian bảo hành

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thời gian thực hiện	Tối đa 144 ngày	>144 ngày
2	Tiến độ thi công chi tiết, BPTC	Có tiến độ thi công chi tiết, BPTC	Không có tiến độ thi công chi tiết, BPTC
3	Vật tư, vật liệu	Có bảng kê nguồn gốc xuất xứ, chủng loại các loại vật tư dùng để thi công.	Không có bảng kê
Kết luận		Đạt tất cả (3) nội dung trên	Không đạt (1) trong (3) nội dung nêu trên
		Đạt	Không đạt

BIỂU MẪU

Mẫu số 1

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo, thi công trong thời gian ____ [Ghi tổng thời gian để thi công hoàn thành gói thầu].

Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu trúng thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] do ____ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[-Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá cạnh tranh.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ (Ghi tên Bên nhận bảo lãnh)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong hợp đồng,..... (Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng) giữa Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai – là Bên nhận Bảo lãnh và - là Bên được bảo lãnh phải nộp cho Bên nhận lãnh một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Bên được bảo lãnh sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng) cho việc thực hiện hợp đồng ;

Chúng tôi,.....(Ghi tên của ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại(Ghi địa chỉ số điện thoại, số fax, e-mail của ngân hàng), theo yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang, không yêu cầu nhà thầu phải chấp thuận, và không trì hoãn với bất kỳ lý do nào khác, thanh toán ngay cho Bên nhận bảo lãnh khi có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá(Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng).

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên nhận bảo lãnh sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Bên nhận bảo lãnh thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều ... của Hợp đồng sau khi Bên được bảo lãnh xuất trình văn bản xác nhận của Bên nhận bảo lãnh về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Bên được bảo lãnh nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày tháng năm hoặc khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo điều kiện nào đến sớm hơn.

Trước 15 ngày hết thời hạn hiệu của Bảo lãnh này mà Bên nhận bảo lãnh chưa thu hồi tiền tạm ứng của Bên được bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ tự động trả lại số tiền chưa thu hồi hết cho Bên nhận bảo lãnh (Hoặc gia hạn ngay thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này cho đến khi Bên nhận bảo lãnh thu hồi hết tiền tạm ứng với mỗi lần gia hạn là 01 tháng)

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đều phải xuất trình bản gốc của Thư bảo lãnh này, và nội dung của nó được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết./.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Số:

Kính gửi :.....

Địa chỉ: (ghi tên, địa chỉ đăng ký của Bên nhận bảo lãnh)

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng(ghi tên hợp đồng)số..... ngày/...../.....(sau đây gọi là “Hợp đồng”) giữa(ghi tên Bên nhận bảo lãnh) (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”) và khách hàng của chúng tôi là (ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh) (sau đây gọi là “Nhà thầu”).

Theo đề nghị của Nhà thầu, Chúng tôi - Ngân hàng(ghi tên Ngân hàng) có trụ sở đăng ký tại:.....(sau đây gọi là “Ngân hàng”) đồng ý cấp cho Nhà thầu Thư bảo lãnh này và cam kết thanh toán vô điều kiện không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước sẽ trả cho Chủ đầu tư một khoản tiền tối đa là: (ghi số tiền bảo lãnh) bằng chữ:..... sau khi nhận được:

(i) Yêu cầu đòi tiền đầu tiên bằng văn bản của Chủ đầu tư (do người đại diện có thẩm quyền ký) ghi rõ nghĩa vụ mà Nhà thầu đã không thực hiện đúng theo quy định trong Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này;

Trách nhiệm của Chúng tôi theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền (ghi số tiền bảo lãnh) và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm Nhà thầu đã thực hiện và bảo lãnh Ngân hàng đã được thực hiện (nếu có).

Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày/...../..... đến hết ngày/...../..... (... ngày kể từ ngày phát hành) và/hoặc đến khi Nhà thầu bàn giao, đưa vào sử dụng, tùy theo điều kiện nào đến sau.

Mọi yêu cầu thanh toán của Chủ đầu tư liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến trụ sở của Ngân hàng trong thời gian Thư bảo lãnh còn hiệu lực và trong thời gian làm việc của Ngân hàng.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất và không có giá trị chuyển nhượng. Mọi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phải xuất trình được bản gốc Thư bảo lãnh này.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ CHÀO THẦU

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp, lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Công tác tạm	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 1
2	Công tác hoàn thiện	Hạng mục	-	Chi tiết theo Bảng 2
A	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)		-	A=(1+2)
B	VAT 10%		-	B=A*10%
C	TỔNG CỘNG (BAO GỒM VAT)		-	C=A+B

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

BẢNG 01: BẢNG CHI TIẾT CHÀO GIÁ PHẦN CÔNG TÁC TẠM

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp, lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	MÔ TẢ CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHUÔNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	THÀNH TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Chi phí cố định				-	
1	Văn phòng nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
2	Kho bãi công trường	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
3	Chi phí điện nước tạm	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
4	Bãi tập kết vật tư, thiết bị	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
5	Chi phí an toàn lao động	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
6	Thí nghiệm vật liệu	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
7	Vệ sinh bàn giao công trường	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
8	Chi phí khác	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
II	Chi phí hàng tháng				-	
1	Văn phòng nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
2	Chi phí điện, nước, Internet, điện thoại hàng tháng	Hạng mục	1,00	-	-	
	<i>Chi phí điện cầu thấp - 2 cầu thấp</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí điện vận thăng - 2 vận thăng</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí điện tiêu thụ hàng tháng</i>	<i>Tháng</i>			-	
	<i>Chi phí nước tiêu thụ hàng tháng</i>	<i>Tháng</i>			-	
3	Chi phí điện, nước thi công hàng tháng	Hạng mục	1,00	-	-	
	<i>Chi phí hệ thống điện</i>	<i>trọn gói</i>			-	
	<i>Chi phí hệ thống nước</i>	<i>trọn gói</i>			-	
4	Chi phí lán trại công nhân	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
5	Chi phí quản lý nhà thầu	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
6	Công nhân vệ sinh công trường	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
7	Các chi phí khác	Hạng mục	1,00	-	-	Có bảng chi tiết kèm theo
	TỔNG CỘNG CHI PHÍ (CHƯA BAO GỒM VAT)					

- Nhà thầu liệt kê theo chi phí thực tế dự kiến phải chi trả.

BẢNG 02: BẢNG CHI TIẾT CHÀO GIÁ PHẦN THI CÔNG

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp, lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Đơn giá trước thuế (VND)			Thành tiền (VND)	Ghi chú
					Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
I	XÂY- TRÁT						-	-	
1	Xây tường thẳng gạch đặc KT 210x100x60, chiều dày 10cm, vữa XM mác 75, tường WC	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 21x10x6cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	78,438			-	-	
2	Xây gạch đặc KT 210x100x60, xây tường thẳng, chiều dày =20cm, tường WC	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 21x10x6cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	519,060			-	-	
3	Xây gạch đặc KT 210x100x60, xây tường thẳng, chiều dày =30cm, vữa XM mác 75, tường WC	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 21x10x6cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	9,371			-	-	
4	Xây tường thẳng gạch đặc KT 210x100x60, chiều dày 10cm, vữa XM mác 75	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 21x10x6cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	79,939			-	-	
5	Xây gạch đặc KT 210x100x60, xây tường thẳng, chiều dày =20cm, vữa XM mác 75	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 21x10x6cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	704,332			-	-	
6	Xây tường thẳng gạch bê tông (10x13x39)cm, chiều dày 10cm, vữa XM mác 75	Gạch không nung kích thước: 10x13x39cm, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	102,426			-	-	
7	Xây tường thẳng gạch bê tông (20x13x39)cm, chiều dày 20cm, vữa XM mác 75	Gạch không nung kích thước: 20x13x39cm, đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	2.382,969			-	-	
8	Khoan cắm thép D8 L=380mm a500mm dùng chất kết dính liên kết tường xây và cột bê tông	Epcon G5, hoặc tương đương. Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất được chấp thuận sử dụng cho sản phẩm.	Lỗ khoan	12.866,0			-	-	
9	Căng lưới chống nứt trát vị trí tiếp giáp tường xây và cột, vách, dầm	Đáp ứng yêu cầu thiết kế	m2	348,494			-	-	
10	Trát tường xây gạch không nung bằng vữa thông thường, trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	39.883,658			-	-	
11	Trát xà dầm trong nhà, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	2.409,211			-	-	
12	Trát trụ, vách chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	6.965,543			-	-	
13	Trát trần, vữa XM mác 75 (Trần CL02.01)	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	16.355,980			-	-	
14	Trát má cửa, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	496,129			-	-	
15	Trát bản cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	2.689,40			-	-	
II	PHẦN GIẢNG LẠNH TÔ								
16	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2, mác 250	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát vàng: tự nhiên, TCVN 7570:2006; Đá 1x2: đá xay.	m3	215,27			-	-	
17	Ván khuôn giằng, lạnh tô		100m2	22,21			-	-	
18	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông trụ tường, đá 1x2, mác 250	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát vàng: tự nhiên, TCVN 7570:2006; Đá 1x2: đá xay.	m3	155,96			-	-	
19	Ván khuôn trụ tường		100m2	31,15			-	-	
	Cốt thép giằng tường						-	-	
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép <= 10mm	CB240, CB300; Đáp ứng TCVN 1651-1:2018, TCVN 1651-2:2018.	tấn	3,10			-	-	

STT	Nội dung công việc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng môi trường	Đơn giá trước thuế (VND)			Thành tiền (VND)	Ghi chú
					Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
21	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép giằng, đường kính cột thép <= 18mm	CB400V; Đáp ứng TCVN 1651-1:2018, TCVN 1651-2:2018.	tấn	20,29			-	-	
22	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép trụ tường, đường kính cột thép <= 10mm	CB240, CB300; Đáp ứng TCVN 1651-1:2018, TCVN 1651-2:2018.	tấn	4,90			-	-	
23	Công tác gia công lắp dựng cột thép. Cột thép trụ tường, đường kính cột thép <= 18m	CB400V; Đáp ứng TCVN 1651-1:2018, TCVN 1651-2:2018.	tấn	21,74			-	-	
III HOÀN THIỆN SÀN									
24	Lát gạch granite 1000x1000, vữa XM mác 75 (Sàn FL10.01)	KT1000x1000 bóng, Nano. Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007.	m2	18.585,390			-	-	Gạch lát nền A cấp
25	Láng nền sàn dày 1,5cm, vữa XM mác 75 (Sàn FL 10.01)	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	18.585,390			-	-	
26	Lát nền, sàn bằng đá Marble, lát sàn cong, vữa XM mác 75 (FL11.01)	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007.	m2	1.794,920			-	-	Đá Marble A cấp
27	Lát đá granit bậu cửa, vữa XM mác 75	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007.	m2	121,213			-	-	
28	Láng nền sàn dày 1cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	1.916,133			-	-	
29	Lát nền, sàn bằng đá KT 1000x1000 ngoài nhà, vữa XM mác 75 (FL11.03)	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007.	m2	1.500,20			-	-	Đá lát nền A cấp
30	Lớp vữa bảo vệ chống thấm dày 3cm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	1.500,20			-	-	
31	Lớp cát tôn nền, K=0,95 dày 220mm	Cát đen: tự nhiên.	100m3	3,30			-	-	
32	Đồ bê tông bằng máy, đồ bằng máy bơm bê tông, bê tông lót nền, đá 1x2, mác 150	BT thương phẩm.	m3	105,014			-	-	
IV HOÀN THIỆN MÁI									
33	Lát gạch Norco 400x00, loại chống rêu mốc, vữa XM mác 75	Gạch KT 400x400mm chống rêu mốc. Đáp ứng TCXD 90:1982.	m2	2.300,90			-	-	Gạch lát nền A cấp
34	Bê tông tạo dốc dày (60-115mm) (FL 10.04)	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát vàng: tự nhiên, TCVN 7570:2006; Đá 1x2: đá xay.	m3	182,404			-	-	
35	Lưới thép D4 a 200 (FL 10.04)	Đáp ứng yêu cầu thiết kế	tấn	2,067			-	-	
36	Màng ngăn ẩm PE (FL 10.04)	Đáp ứng yêu cầu thiết kế	100m2	20,966			-	-	
37	Xốp XPS cách âm cách nhiệt dày 50mm, tỉ trọng 38kg/m3 (FL 10.04)	XPS-Kun Foam dày 50mm, tỉ trọng 38kg/m3.	100m2	20,966			-	-	
38	Láng vữa bảo vệ lớp chống thấm dày 3,0cm, vữa XM mác 75# (FL 10.04)	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	2.096,60			-	-	
39	Láng rãnh thoát nước, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	156,646			-	-	
40	Lớp vữa bảo vệ chống thấm dày 3cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	780,10			-	-	
V VƯỜN NGOÀI TRỜI									
41	Lớp vữa bảo vệ chống thấm dày 3cm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	1.431,750			-	-	
42	Lớp bê tông lót, đánh dốc về rãnh thu dày 150mm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát vàng: tự nhiên, TCVN 7570:2006; Đá 1x2: đá xay.	m3	214,763			-	-	
43	Láng nền sàn dày 1,0cm, vữa XM mác 75# (FL 11.02)	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	1.431,750			-	-	
44	Lát nền sân ngoài trời bằng đá xanh 300x600x20, vữa XM mác 75	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007.	m2	1.431,750			-	-	Đá lát nền A cấp
45	Lớp vữa mác 75 bảo vệ màng chống thấm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	3.735,092			-	-	

STT	Nội dung công việc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Đơn giá trước thuế (VND)			Thành tiền (VND)	Ghi chú
					Vật tư chính	Nhân công và máy phụ, Vật tư phụ	Tổng cộng		
VI	HOÀN THIỆN VỆ SINH						-	-	
46	Lát gạch granite 600x600mm chống trơn, vữa XM mác 75	KT600x600mm chống trơn. Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007.	m2	896,380			-	-	Gạch lát nền A cấp
47	Láng nền sàn dày 4,5cm, vữa XM mác 75#	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	2.739,671			-	-	
48	Công tác ốp gạch granite 600x300mm vào tường WC, vữa XM mác 75	KT600x300mm siêu cứng siêu bền. Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007.	m2	2.739,671			-	-	Gạch ốp A cấp
VII	HOÀN THIỆN THANG BỘ						-	-	
	Thang bộ ngoài trời						-	-	
49	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây thang bộ, vữa XM mác 75	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 22x10,5x6,5cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	100,762			-	-	
	Thang bộ thoát hiểm trong nhà						-	-	
50	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây cầu thang, vữa XM mác 75	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 22x10,5x6,5cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	23,436			-	-	
51	Trát cầu thang bộ, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	933,892			-	-	
VIII	HOÀN THIỆN TAM CẤP						-	-	
52	Xây gạch không nung 6,5x10,5x22, xây tam cấp, vữa XM mác 75	Gạch không nung, gạch đặc kích thước: 22x10,5x6,5cm, mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016.	m3	61,133			-	-	
53	Lát đá granite tam cấp, vữa XM mác 75	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007.	m2	22,297			-	-	
54	Lát gạch granite 1000x1000 tam cấp, vữa XM mác 75	KT1000x1000 bóng, Nano. Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007.	m2	182,180			-	-	
IX	HOÀN THIỆN ĐƯỜNG DỐC						-	-	
	Đường dốc D01, D02 (Sàn F24.01)						-	-	
100	Lớp nhựa bê tông nóng C12.5 dày 50mm	Đáp ứng TCVN 8820:2011	100m2	15,395			-	-	
101	Nhựa dính bám 0.5kg/m2	Đáp ứng TCVN 8820:2011	100m2	15,395			-	-	
102	Lớp nhựa bê tông nóng C19 dày 70mm	Đáp ứng TCVN 8820:2011	100m2	15,395			-	-	
55	Lớp lót tạo dốc dày 130mm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát vàng: tự nhiên, TCVN 7570:2006; Đá 1x2: đá xay.	m3	200,135			-	-	
56	Lưới thép D4 a 200		tấn	1,518			-	-	
57	Lớp vữa mác 75, bảo vệ chống thấm	XM: PCB30, TCVN 2682:2009; Cát xây trát: tự nhiên, TCVN 7570:2006.	m2	1.539,50			-	-	
	Đường dốc cho người khuyết tật RP02, RP03						-	-	
58	Cắt rãnh đường dốc		10m	5,280			-	-	
X	CÁC CÔNG TÁC HOÀN THIỆN KHÁC						-	-	
59	Rải sỏi	Đáp ứng yêu cầu thiết kế	m3	1,487			-	-	
	Biển báo						-	-	
60	Biển báo lồi vào trên cao, tấm mica dày 2mm dán Decal nền xanh, chữ đỏ	Đáp ứng yêu cầu thiết kế	m2	1,60			-	-	
	TỔNG CỘNG (CHƯA BAO GỒM VAT)						-	-	

BẢNG 03: YÊU CẦU KỸ THUẬT VẬT LIỆU

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Mã SP/đặc tính kỹ thuật	Nhãn hiệu/Nhà SX	Nguồn gốc/ xuất xứ
1	Cát xây, trát	Đáp ứng TCVN 7570:2006			Cát tự nhiên/VN (hoặc tương đương)
2	Cát đen đổ nền	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật không lẫn tạp chất hữu cơ			Cát tự nhiên/VN hoặc tương đương
3	Xi măng PCB30	Đáp ứng TCVN 2682:2009		Bút Sơn hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
4	Gạch xây không nung	Gạch đặc các kích thước: 21x10x6cm, 39x20x13cm ... mác M10 đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 6477:2016		Công ty CP gạch công nghệ xanh/ Công ty Xuân Mai hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
5	Phụ gia khoan cấy thép 2 thành phần	Tiêu chuẩn nhà sản xuất được chấp thuận sử dụng cho sản phẩm	Epcon G5 hoặc tương đương	Ramset Việt Nam hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
6	Gạch lát nền Granite nhân tạo	KT1000x1000 bóng, Nano; KT600x600 bóng/men mờ (theo vị trí kiến trúc) . Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007	100DB038-NANO; 6060TAMD AO001/002; hoặc tương đương	Đồng Tâm hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
7	Gạch Granite ốp tường	KT600x300mm siêu cứng siêu bền. Đáp ứng EN 14411:2006, TCVN 7745:2007	3060SAHA RA008 hoặc tương đương	Đồng Tâm hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
8	Gạch lát mái Norco	Gạch KT 400x400mm chống rêu mốc. Đáp ứng TCXD 90:1982		Hạ Long hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
9	Đá granite ốp, lát	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007		Bình Định/ Phú Yên hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
10	Đá xanh lát sân ngoài trời	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007		Thanh Hóa hoặc tương đương	VN hoặc tương đương
11	Đá Marble ốp, lát nền sàn	Đá tự nhiên độ dày theo thiết kế. Đáp ứng TCVN 4732:2007		Trường Thịnh hoặc tương đương	Italia/ Ấn Độ hoặc tương đương

BẢNG 04: BẢNG CHI TIẾT CÁCH TÍNH KHỐI LƯỢNG

Dự án: Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc Gia

Hạng mục: Thi công hạng mục hoàn thiện xây, trát, ốp, lát trong nhà và sân vườn ngoài nhà

Địa điểm: Hòa Lạc, Thạch Thất, TP. Hà Nội

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Cách tính	Ghi chú
1	XÂY TƯỜNG	m3	Khối lượng tường xây, tường hợp tính theo đơn vị m3: thể tích tường được tính toán chia theo loại gạch, chia theo từng loại chiều dày tường, chia theo tường ngoài nhà và trong nhà; Diện tích tường trừ đi lỗ mở cửa, vách,...	
2	TRÁT TƯỜNG	m2	Khối lượng trát tường được tính bằng diện tích bề mặt tường cần trát, tách riêng khối lượng trát tường ngoài và trát tường trong, tách theo từng loại vữa trát tường theo yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế (phần ngoài nhà là phần tiếp xúc với môi trường và thời tiết bên ngoài)	
3		m	Khối lượng trát cạnh cửa, đắp gờ chỉ, kẻ chỉ được tính riêng và phân theo từng loại có kích thước/ bề rộng khác nhau.	
4	TRÁT CẦU KIẾN BÊ TÔNG	m2	Khối lượng trát cầu kiến bê tông như cột, vách, lõi thang, dầm trần, dầm thang, dầm ramp dốc sẽ được tính bằng diện tích bề mặt cầu kiến cần được trát theo bản vẽ/ yêu cầu trong thiết kế, tách riêng khối lượng trát ngoài và trát trong (phần ngoài nhà là phần tiếp xúc với môi trường và thời tiết bên ngoài).	
5	MÀI CẦU KIẾN BÊ TÔNG	m2	Khối lượng mài cầu kiến bê tông được tính bằng diện tích bề mặt cầu kiến bê tông cần được mài theo bản vẽ/ yêu cầu trong thiết kế.	
6		m	Khối lượng mài các cạnh, mài cầu kiến có kích thước nhỏ sẽ được tính theo m dài và phân theo từng loại có kích thước/ bề rộng khác nhau.	
7	LÁNG VỮA NỀN SÀN	m2	Khối lượng láng vữa nền sàn được tính cho cả diện tích sàn có lát gạch đá hoặc không lát gạch đá, tính bằng diện tích nền sàn cần láng vữa theo bản vẽ/ yêu cầu trong thiết kế. Khối lượng được phân chia theo từng loại chiều dày, có tạo dốc hay không, mác vữa khác nhau.	
8	ÓP LÁT GẠCH ĐÁ	m2	Khối lượng ốp, lát gạch đá được tính bằng diện tích ốp, lát gạch đá thể hiện trong thiết kế, không bao gồm phần hao hụt do thi công.	